

MOBILE HUMAN RESOURCES IN THE NATIONAL TARGET PROGRAM ON NEW RURAL CONSTRUCTION (CASE STUDY OF THE TWO PROVINCE OF QUANG TRI AND HOA BINH)

Nguyen Khac Toan

Central Vietnam Farmers Association

Email: khactuan.nguyen187@gmail.com

Received: 30/8/2022; Reviewed: 07/9/2022; Revised: 09/9/2022; Accepted: 12/9/2022; Released: 30/9/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/746>

In the National Target Program on New Rural Development, resources for implementation are mobilized from many sides (central, local, integrated programs, projects, credit, businesses and residents, communities)... In the surveyed areas, the direct allocation of local budgets is very modest, if not limited. The non-business budget for cooperation in production development, production organization still has shortcomings and inadequacies, while people are concerned first and foremost about improving jobs, livelihoods and incomes. In this Program, credit capital accounts for a large proportion of the total capital used for new rural construction but is being pooled for all loan sources. The mobilization of financial resources from the people is also posing a lot of problems, which are not suitable with the method of resource mobilization in community development, so people's assessment of this field is not favorable.

Keywords: Mobilizing resources in community development; National target program on new rural construction; Quang Tri Province; Hoa Binh Province.

1. Đặt vấn đề

Huy động nguồn lực trong phát triển cộng đồng là một bước quan trọng trong bảy bước cơ bản của quy trình phát triển cộng đồng. Muốn xây dựng được một kế hoạch phát triển cộng đồng phù hợp với nhu cầu của người dân và các điều kiện địa phương, việc huy động đa dạng nguồn lực có ý nghĩa quan trọng. Đặc biệt, nguồn lực được huy động không nhất thiết thuần túy mang tính tài chính mà còn có những nguồn lực khác như nguồn nhân lực (sức khỏe, thái độ, kiến thức, tri thức, kỹ năng và kinh nghiệm); nguồn vốn xã hội (các tổ chức xã hội, các mạng lưới xã hội, sự đoàn kết hay liên kết cộng đồng, sự am hiểu về chính sách - pháp luật); vật lực (sự đóng góp cụ thể bằng đất đai, tài sản, sản phẩm); tin lực (nguồn thông tin đúng, đầy đủ và kịp thời)... Trong giới hạn của bài báo này, sự huy động nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới tại hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị đã được thực hiện như thế nào? Sự tham gia đóng góp của người dân đạt được ra sao? Tại sao sự tham gia đóng góp của người dân đạt được kết quả đó? Những câu trả lời cho ba câu hỏi này là nội dung cốt lõi của bài báo.

2. Tổng quan nghiên cứu

Có khá nhiều tác giả và công trình nghiên cứu đã nghiên cứu liên quan đến Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, như: Hồ Xuân Hùng (2011), *Xây dựng nông thôn mới là sự nghiệp cách mạng lâu dài của Đảng và nhân dân ta*, Tạp chí Cộng sản; Nguyễn Minh Tiến (2014), *Nông thôn*

mới sau 3 năm thực hiện – Triển vọng từ thực tiễn, Tạp chí Kiến trúc Việt Nam; Nguyễn Văn Hùng (2015), Luận án “Xây dựng nông thôn mới trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh”; Đoàn Thị Hà (2017), Luận án “Huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới tại các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam”; Quyền Thị Lan Phương (2021), *Thực trạng cảnh quan nông thôn trong xây dựng nông thôn mới*, Tạp chí Kiến trúc Việt Nam; Hoàng Mai Chi, Trần Thủy Dung (2021), *Xây dựng nông thôn mới ở một số nước châu Á và gợi ý chính sách cho Việt Nam*, Tạp chí Tài chính; Phạm Thị Kim Cúc (2022), *Công tác phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với chính quyền trong giám sát xây dựng nông thôn mới ở cơ sở hiện nay*, Tạp chí Mặt trận... Nhìn chung các nghiên cứu nêu trên đã đề cập đến các quan điểm chung và riêng về xây dựng nông thôn mới, sự lãnh đạo của Đảng; chỉ đạo của Chính phủ, triển khai và thực hiện của các ngành, các cấp; một số kinh nghiệm của địa phương và các quốc gia. Đây là những vấn đề có tính lý luận và thực tiễn cơ sở tốt của từng khu vực, địa phương cần học tập. Tác giả cũng đã tiếp cận các văn bản, báo cáo: (1) Báo cáo tổng kết 10 năm của Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. (2) Kỷ yếu Hội thảo khoa học tổng kết 10 năm xây dựng nông thôn mới của Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới. (3) Báo cáo số 298/BC-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh Hòa Bình Tổng kết

10 năm thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. (4) Báo cáo số 58/BC-UBND ngày 10/03/2020 của UBND tỉnh Hòa Bình Tổng kết, đánh giá Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2020; đề xuất thực hiện giai đoạn 2021-2025. (5) Báo cáo số 245/BC-BCĐNTM ngày 11/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về Kết quả 5 năm thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020... Tuy nhiên, ở góc độ địa phương, có thể nói chưa có nhiều nghiên cứu cụ thể, chuyên sâu để có những tổng kết, đánh giá khoa học, chính xác về vai trò và đóng góp của người dân trong việc thực hiện chương trình này.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để tiến hành nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính (phân tích tài liệu, thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu) các đối tượng cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, cấp thôn và người dân, phối hợp với phương pháp nghiên

cứ định lượng. Nội dung phân tích tài liệu chủ yếu là các báo cáo đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (2011-2020), đặc biệt tập trung phân tích giai đoạn 2016-2020. Ngoài ra, bài báo này sử dụng một số kết quả nghiên cứu định tính về Tiếng nói của người dân và cán bộ địa phương về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 do ba tổ chức quốc tế phối hợp thực hiện, gồm: (i) Liên minh Minh bạch Ngân sách (BTAP); (ii) Trung tâm Phát triển và Hội nhập (CDI); (iii) Trung tâm Hành động vì sự phát triển cộng đồng (ACDC).

4. Kết quả nghiên cứu

Trên cơ sở 244 người tham gia nghiên cứu định tính (thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu) đã được lựa chọn năm 2018 bởi ba tổ chức nêu trên, ngoài việc trả lời bảng hỏi, mỗi người trong số 244 người đã được đề nghị giới thiệu thêm một người dân để trả lời phiếu. Như vậy, tổng số phiếu hỏi bổ sung từ phía người dân là 244 phiếu và tổng số phiếu thu được là 488 (Bảng 1).

Bảng 1. Số lượng thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu và trưng cầu ý kiến

Nội dung	Số cuộc/ phiếu	Số người	Giới tính		Dân tộc	
			Nam	Nữ	Kinh	DTTS
Tham vấn cán bộ cấp tỉnh, huyện	15	61	43	18	61	0
Thảo luận nhóm						
Cấp xã	4	45	30	15	33	12
Cấp huyện	16	103	64	39	41	62
Phỏng vấn sâu						
Cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	17	17	14	3	17	0
Người dân	18	18	15	3	5	13
Tổng cộng mẫu định tính		244	166	78	157	87
Trưng cầu ý kiến (tổng mẫu định tính + tổng số người được giới thiệu và chọn thêm)						
Tổng mẫu định tính cùng tham gia trả lời bảng hỏi	244	244	166	78	157	87
Tổng số đơn vị mẫu được giới thiệu bổ sung	244	244	102	142	150	94
Tổng mẫu định lượng	488	488	268	220	307	181

Việc sử dụng phương pháp “viên tuyết lăn” để chọn mẫu định lượng như vậy cũng là một dạng chọn mẫu ngẫu nhiên đơn giản để giảm bớt thời gian và công sức khi mà các địa bàn nghiên cứu ở xa so với trụ sở làm việc của nghiên cứu sinh. Việc dựa vào tổng mẫu mà ba tổ chức nghiên cứu độc lập và chuyên nghiệp (BTAP, CDI và ACDC) đã lựa chọn để khảo sát năm 2018 cũng làm tăng độ tin cậy.

Phương pháp thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu và trưng cầu ý kiến chủ yếu xoay quanh các trục

nội dung chính: (i) sự phù hợp của các tiêu chí xây dựng nông thôn mới đối với các địa phương cấp xã; (ii) sự tham gia, đóng góp của người dân trong Chương trình Nông thôn mới; (iii) Huy động và sử dụng nguồn lực trong Chương trình Nông thôn mới; (iv) Vận dụng bảy nguyên lý phát triển cộng đồng; (v) Vận dụng cơ chế phát triển cộng đồng “Dân biết, Dân bàn, Dân làm, Dân kiểm tra, Dân giám sát, Dân thụ hưởng”; (vi) Vận dụng quy trình cơ bản về phát triển cộng đồng. Tuy có rất nhiều nội dung nhưng bài báo này chỉ giới hạn tìm hiểu thực trạng huy

động nguồn vốn, sự tham gia đóng góp của người dân, kết quả và lý giải một số nguyên nhân vì sao người dân đóng góp ở mức độ đó.

4.1. Khái quát kết quả 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Hòa Bình và tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011-2020

Để hình dung bức tranh khái quát nhất kết quả thực hiện 10 năm Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới ở hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016-2020, tôi đã tiến hành tổng hợp các kết quả báo cáo của UBND hai tỉnh cho thấy một cách khái quát nhất kết quả 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tại hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị chia thành hai giai đoạn (2011-2015 và 2016-2020). Tại tỉnh Hòa Bình, các chỉ tiêu sau đây đạt được có sự gia tăng đáng kể giữa hai giai đoạn: (i) Thông tin và truyền thông (gia tăng 36.1%); (ii) Cơ sở hạ tầng thương mại (gia tăng 35.6%); (iii) Xây dựng công trình thủy lợi (gia tăng 35.1%); (iv) Xã đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định (gia tăng 30.4%); (v) Cơ sở hạ tầng giao thông (gia tăng 31.9%); (vi) Tỷ lệ thôn, bản đạt các chỉ tiêu văn hóa theo quy định và xây dựng cơ sở vật chất văn hóa (gia tăng lần lượt 30.4% và 28.8%); (vii) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế; xã đạt tiêu chí quốc gia về Y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng dưới ngưỡng 21.8% (gia tăng 25.7%).

Đối với tỉnh Quảng Trị, những tiêu chí sau đây có sự gia tăng đáng kể nhất: (i) Chuyển dịch cơ cấu lao động (gia tăng 36.8%); (ii) Công trình thủy lợi (gia tăng 33.8%); (iii) Cơ sở hạ tầng giao thông (gia tăng 31.6%); (iv) Cơ sở vật chất văn hóa (gia tăng 26.5%); (v) Cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn quốc gia (gia tăng 23.9%); (vi) Nhà ở dân cư (gia tăng 17.1%); (vii) Quốc phòng và An ninh (gia tăng 15.4%).

Tính đến 31/12/2020, hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị cơ bản đã đạt được các mục tiêu về số xã đạt chuẩn nông thôn mới, số tiêu chí trung bình chung đạt chuẩn của các xã đứng tiền độ, không còn xã nào đạt dưới 5 tiêu chí. Giữa hai giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020, trong khi tỉnh Hòa Bình gia tăng chủ yếu việc đạt các chỉ tiêu nặng về xây dựng cơ sở vật chất thì Quảng Trị gia tăng nhiều hơn những tiêu chí quan trọng như chuyển dịch cơ cấu lao động, công trình thủy lợi, hạ tầng giao thông.

Ngược lại, tỉnh Hòa Bình có những tiêu chí sau đây chưa cải thiện được nhiều: (i) Phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; Tiếp tục học sau khi học xong trung học cơ sở; Lao động có việc làm qua đào tạo (gia tăng 2.1%); Trong ba nội dung được khảo sát, thì vấn đề lao động chưa qua đào tạo tại Hòa Bình là rất đáng báo động, bởi vì, với thời đại công nghiệp 4.0, lao động nặng về thể chất rất dễ dàng bị thay thế; (ii) Sự gia tăng chuyển dịch cơ cấu lao động giữa hai giai đoạn của tỉnh Hòa Bình

cũng khá khiêm tốn (1.6%) và (iii) Sự gia tăng thu nhập (4.2%). Tuy vậy, đây là những biến số rất quan trọng xét về chất, bởi vì, sự quan tâm lớn nhất của người dân là chuyển dịch được cơ cấu lao động, việc làm gia tăng mức thu nhập.

Trong khi đó, ở tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020, các xã đạt tiêu chí về thông tin và truyền thông lại bị suy giảm 12.0% so với giai đoạn 2011-2015. Nguyên nhân của sự suy giảm này là do tỉnh Quảng Trị đã bổ sung, ở giai đoạn 2016-2020, một số tiêu chí về thông tin và truyền thông đòi hỏi cao hơn so với tiêu chí chung trong Chương trình Nông thôn mới: “Xét thấy các nội dung trong tiêu chí thông tin và truyền thông giai đoạn 2016-2020 được quy định bởi Chính phủ là tương đối thấp và khá đơn giản nên Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân tỉnh chúng tôi đã bổ sung thêm một số nội dung và yêu cầu cao hơn. Do đó, việc suy giảm mức độ đạt được tiêu chí này ở các xã là điều bình thường” (Nam, cán bộ HĐND tỉnh Quảng Trị).

Tuy có suy giảm các xã đạt tiêu chí về thông tin và truyền thông, nhưng tỉnh Quảng Trị đã thể hiện yêu cầu cao và muốn đi vào thực chất, không có bệnh thành tích. Tiếp theo, đó là sự gia tăng thu nhập của người dân tỉnh Quảng Trị cũng không đáng kể ở giai đoạn 2016-2020 so với giai đoạn 2011-2015 (lần lượt gia tăng 4.2% và 7.7%). Như vậy, sự gia tăng thu nhập của người dân Quảng Trị vẫn còn ở mức khiêm tốn giữa các giai đoạn, tuy có tốc độ cao hơn so với tỉnh Hòa Bình. Trong lĩnh vực văn hóa, nếu như việc xây dựng các cơ sở vật chất văn hóa có sự gia tăng mạnh thì các xã đạt tiêu chí văn hóa nói chung ở Quảng Trị chỉ đạt ở mức khiêm tốn ở giai đoạn 2016-2020. Đây cũng là một điểm đáng lưu ý, bởi vì, tỉnh Quảng Trị yêu cầu tiêu chí xã văn hóa phải có nhiều hoạt động văn hóa và thể thao - linh hồn văn hóa thực sự. Tiếp theo là các tiêu chí liên quan đến sự chuyển dịch cơ cấu lao động, việc làm và thu nhập của người dân cũng có gia tăng ở giai đoạn 2016-2020 nhưng không đáng kể.

Kết quả nghiên cứu này cũng tương ứng với các phát hiện của ba tổ chức BTAP, CDI và ACDC đã tiến hành nghiên cứu vào năm 2018 ở hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị: Một số tiêu chí nông thôn mới đạt ở mức thấp như lao động, việc làm, thu nhập, hỗ trợ hộ nghèo và xã đạt các tiêu chí văn hóa (BTAP, CDI và ACDC, 2018: 06).

Tóm lại, ở hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị, kết quả các xã đạt các tiêu chí xây dựng nông thôn mới đã gia tăng khá mạnh mẽ ở giai đoạn 2016-2020 so với giai đoạn trước 2011-2015, tuy sự gia tăng này không đồng đều ở các xã và đối với các tiêu chí khác nhau. Hầu hết các xã đạt tiêu chí nông thôn mới của cả hai tỉnh đều tập trung nhiều vào xây dựng hạ tầng cơ sở vật chất trong các lĩnh vực khác nhau. Trong khi đó, sự gia tăng các tiêu chí về chất như sự chuyển dịch cơ cấu lao động, việc làm, thu nhập hay hỗ trợ người nghèo giảm nghèo còn ở mức khiêm tốn.

4.2. Thực trạng huy động nguồn lực cho Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị giai đoạn 2016-2020

Theo lý thuyết công tác xã hội nói chung, nguồn lực trong phát triển cộng đồng bao gồm tài lực, vật lực, nhân lực (vốn con người), vốn xã hội, tín lực và nguồn lực tự nhiên. Tuy nhiên, tại các địa phương được khảo sát, khi nói đến nguồn lực thì hầu như mọi người đều tự động đề cập đến nguồn lực tài chính. Trong giai đoạn 2016-2020, cuộc khảo sát tại hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị phát hiện ra rằng vốn đối ứng của địa phương (tỉnh, huyện, xã) đều đã được thực hiện và ghi nhận. Đặc biệt, giai đoạn 2016 - 2018, vốn đối ứng của địa phương Hòa Bình lên đến 21,0%. Khi tham vấn các cán bộ tỉnh Hòa Bình, thì trong thực tế, nguồn ngân sách đối ứng địa phương đều được lấy từ sự lồng ghép các chương trình và dự án trên địa bàn tỉnh. Điều này nói lên hai ý rất rõ ràng: (i) tỉnh Hòa Bình không có ngân sách đối ứng dành riêng Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; (ii) khi nguồn ngân sách đối ứng được lồng ghép (trích) từ các chương trình và dự án khác, liệu điều này có ảnh hưởng tiêu cực đến các chương trình dự án đó hay không? Nói cách khác, mục tiêu của các chương trình và dự án bao giờ cũng đòi hỏi nguồn lực tương ứng. Nếu nguồn lực tài chính ấy bị trích hoặc “lồng ghép” thì chất lượng của chúng ra sao? Đây là một câu hỏi ngỏ yêu cầu có thêm các dữ liệu thực địa để phân tích trong một nghiên cứu khác.

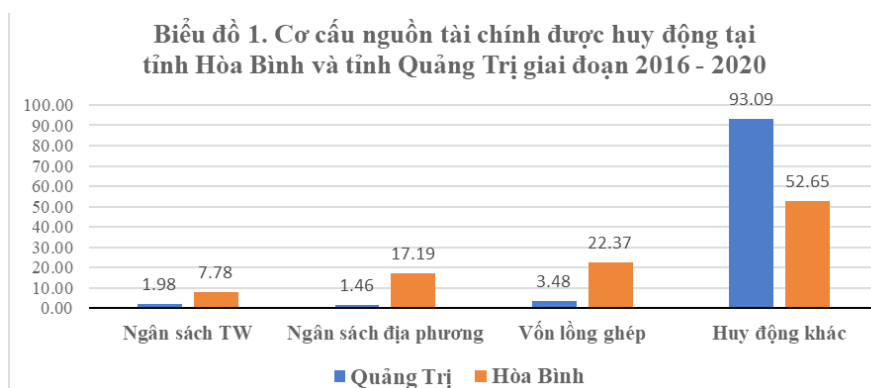
Trong khi đó, tại Quảng Trị, Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh ban hành ngày 14/12/2017 đã quy định, hàng năm, tỉnh trích 40 tỉ đồng dành cho việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, trong thực tế giai đoạn 2018 - 2020, tỉnh chỉ trích một nửa trong số đó, tức là 20 tỉ đồng mỗi năm. Cả hai trường hợp Hòa Bình và Quảng Trị đều nói lên sự hạn hẹp của ngân sách địa phương, không đủ năng lực theo cơ chế đối ứng 1:1: “Địa phương không thể bố trí được vốn đối ứng riêng mà lồng

ghép các nguồn vốn khác” (Nam, cán bộ HĐND tỉnh Hòa Bình). Hoặc tại Quảng Trị, “năm 2017, vốn đối ứng của tỉnh có nhưng về rất chậm, tức là phải chờ đến bốn hoặc năm tháng mới có thông báo. Tuy vậy, từ năm 2018 đến 2020, tỉnh phân bổ vốn đối ứng sớm hơn tuy nhiên mức phân bổ chỉ đạt một nửa so với thông báo ban đầu” (Nam, cán bộ HĐND tỉnh Quảng Trị). Như vậy, cả hai kết quả phỏng vấn sâu đối với hai cán bộ cấp tỉnh đều thừa nhận sự hạn chế hoặc khiêm tốn của vốn đối ứng địa phương cấp tỉnh.

Tại cả hai tỉnh, ngân sách phân bổ trong hai năm 2016 và 2017 đều bị chậm trễ do chưa có hướng dẫn cụ thể của cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện và do quá trình xây dựng phương án, tổng hợp và thẩm định vốn ở các cấp cũng bị chậm. Tuy nhiên, từ năm 2018 đến năm 2020, nguồn ngân sách trung ương đã được phân bổ về địa phương kịp thời hơn (UBND tỉnh Hòa Bình và UBND tỉnh Quảng Trị, 2020): “Phân bổ vốn từ năm 2018 đến năm 2020 đã được thực hiện đúng, đủ và kịp thời. Cứ huyện nào xây dựng xong phương án và kế hoạch sử dụng vốn ngân sách là trình lên Sở Kế hoạch và Đầu tư ngay, không chờ các huyện khác. Do vậy, các huyện nhìn nhau để làm nên việc cấp vốn cũng được kịp thời” (Nữ, cán bộ Văn phòng điều phối Chương trình Nông thôn mới tỉnh Hòa Bình). Tương tự như vậy tại Quảng Trị, “năm 2017, vốn về rất chậm, phải chờ gần nửa năm mới được thông báo vốn. Từ năm 2018 đến năm 2020, vốn được phân bổ kịp thời nên cũng được đưa vào sử dụng kịp thời” (Nam, cán bộ HĐND tỉnh Quảng Trị).

Rõ ràng, thời hạn thực hiện giải ngân cũng là một thước đo quan trọng trong quá trình xây dựng phương án, phân bổ và sử dụng ngân sách. Vốn ngân sách từ Trung ương và địa phương có vai trò là “vốn mồi” để trên cơ sở đó, các địa phương huy động các nguồn vốn khác phục vụ cho xây dựng nông thôn mới. Do vậy, khi nhìn vào cơ cấu các loại vốn được huy động (Biểu đồ 1), chúng ta dễ nhận ra tỉ trọng của các loại vốn.

Khi nhìn vào cơ cấu vốn từ ngân sách Trung



ương, ngân sách địa phương và vốn trích từ các chương trình dự án, ta thấy tỉ trọng huy động ở tỉnh Hòa Bình cao hơn hẳn so với tỉnh Quảng Trị. Tuy nhiên, đối với các nguồn huy động khác từ tín dụng, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cư dân cộng đồng, tỉnh Quảng Trị đạt tỉ trọng vượt trội so với tỉnh Hòa Bình (93.09% so với 57.65%).

Nguồn. Xử lý lại từ UBND tỉnh Hòa Bình và UBND tỉnh Quảng Trị, 2020.

Bảng 2. Cơ cấu nguồn vốn của chương trình nông thôn mới tại tỉnh Hòa Bình và tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020

TT		Quảng Trị		Hòa Bình	
		Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Ngân sách TW	937.000	1.98	974.700	7.8
	Vốn đầu tư phát triển	652.400	1.38	608.800	4.9
	Vốn sự nghiệp kinh tế	214.600	0.45	233.900	1.9
	Vốn trái phiếu chính phủ	70.000	0.15	132.000	1.1
2	Ngân sách địa phương	690.993	1.46	2.152.482	17.2
3	Vốn lồng ghép	1.646.470	3.48	2.801.400	22.4
4	Huy động khác	44.100.244	93.09	6.593.189	52.7
	Tín dụng	42.958.279	90.68	5.623.000	44.9
	Doanh nghiệp	470.890	0.99	235.206	1.9
	Người dân và cộng đồng đóng góp	671.075	1.42	734.983	5.9
	Tổng	47.374.707	100	12.521.771	100

Nguồn. Tác giả xử lý lại từ báo cáo của UBND tỉnh Hòa Bình và UBND Quảng Trị, 2020

Để tìm hiểu kỹ hơn cơ cấu của các nguồn vốn được huy động ở các cấp, Bảng 2 thể hiện rõ điều đó.

Nhìn vào từng nguồn vốn huy động cụ thể và tỉnh Hòa Bình, ta thấy nguồn vốn vay tín dụng chiếm tỉ trọng áp đảo, lần lượt đạt 90.68% ở tỉnh Quảng Trị so với 44.9% ở tỉnh Hòa Bình. Tiếp đến là vốn trích (lồng ghép) từ các dự án địa phương (22.4% ở tỉnh Hòa Bình so với 3.48% ở Quảng Trị). Trong khi đó, vốn ngân sách địa phương ở tỉnh Hòa Bình cũng chiếm đến 17.2% nguồn vốn được huy động so với chỉ 1.46% ở Quảng Trị. Khi nhìn cụ thể vào sự đóng góp của người dân và cộng đồng, chúng ta thấy tỉnh Hòa Bình huy động được hiệu quả hơn so với Quảng Trị, tức là đạt 5.9% so với 1.42%.

Cơ cấu vốn huy động như trên cho thấy bốn điều sau đây: (i) Sự đa dạng của các nguồn vốn được huy động; (ii) Sự nổi bật của nguồn vốn tín dụng làm cho các địa phương trở thành những “con nợ” quan trọng; (iii) Nguồn vốn lồng ghép, nguồn vốn địa phương và nguồn vốn trung ương khá lớn ở tỉnh Hòa Bình; (iv) Nguồn vốn huy động từ cư dân, cộng đồng cũng đạt được ở mức đáng kể tại tỉnh Hòa Bình.

Lưu ý rằng, nguồn vốn tín dụng ở đây được tính chung đối với tất cả các nguồn cho vay trên địa bàn hai tỉnh, tức là chưa phân tách được một cách rõ ràng nguồn tín dụng huy động được do tác động của các dự án hoặc hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Sự khác biệt giữa hai tỉnh Quảng Trị và Hòa Bình về tỉ lệ nguồn vốn huy động khác được thể hiện ở cả Biểu đồ 1 và Bảng 3 trên đây chủ yếu xuất phát từ việc tính toán khác nhau về số liệu tín dụng đưa vào chương trình nông thôn mới (BTAP, CDI và ACDC, 2018).

Một điểm đáng chú ý trong nguồn vốn huy động từ người dân và cộng đồng địa phương là đã góp cả

phần tiền mặt được đóng góp và số tiền được quy đổi từ ngày công lao động (ở tỉnh Hòa Bình đạt 5.9% so với 1.42% ở tỉnh Quảng Trị). Sự huy động sức dân tham gia thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới có vai trò, ý nghĩa quan trọng và quyết định, bởi vì, người dân phải đóng vai trò chủ thể của xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn con người phải đóng vai trò tiên quyết. Tuy nhiên, việc huy động nguồn lực cần phải phù hợp với điều kiện khó khăn khi phải đóng góp tiền mặt:

“Giai đoạn hào hứng đóng góp tiền mặt ban đầu đã qua đi nhanh chóng. Càng về sau thì sự vận động người dân đóng góp tiền mặt càng khó khăn bởi nhiều lý do” (Nam, cán bộ HỖND tỉnh Hòa Bình) hoặc “Những công trình nào giao hạn về cho thôn thì người dân đóng góp ngày công rất nhiều, thậm chí lên đến hơn 50% giá trị của công trình. Tuy nhiên, sự quy đổi ngày công thành tiền ở mỗi nơi một khác nên việc thành lập hội đồng thẩm định giá là điều cần thiết” (Nữ, cán bộ phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị).

Trong khi đó, người dân cho rằng, để huy động tài chính và sức dân được hiệu quả thì vai trò giám sát của người dân cần được tăng cường mạnh mẽ đối với tất cả các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn: “Ở đầu có sự giám sát chặt chẽ của người dân từ đầu đến cuối thì ở đó việc huy động nguồn lực từ người dân và cộng đồng thường không gặp khó khăn gì cả” (Nam, người dân xã Cao Rằm, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình). Qua phát biểu của người dân này, ta thấy rất cần thực hiện triệt cơ chế “minh bạch, công khai” trong xây dựng nông thôn mới.

5. Thảo luận

Thứ nhất, nhận thức về khái niệm “huy động

nguồn lực” ở cán bộ địa phương các cấp ở hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị chủ yếu xoay quanh “huy động nguồn lực tài chính”. Tuy nhiên, sự huy động vốn con người cũng đã bắt đầu được chú ý thực hiện theo nghĩa là huy động khía cạnh sức lao động của người dân (nặng về sức khỏe thể chất) mà chưa tìm cách huy động trí tuệ, kiến thức, hiểu biết, kỹ năng và kinh nghiệm của người dân trong các lĩnh vực khác nhau để xây dựng nông thôn mới. Sự huy động các loại nguồn lực khác như trong cách tiếp cận phát triển cộng đồng chưa được thực hiện một cách đầy đủ, minh bạch và cụ thể. Nói cách khác, trong tất cả các báo cáo của các cấp có thẩm quyền ở hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị chưa thông kê được kết quả của các loại nguồn lực huy động được.

Thứ hai, về kết quả khái quát trong 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới chia theo hai giai đoạn (2011-2015 và 2016-2020), ở mỗi tỉnh khảo sát đều có sự gia tăng số xã đạt ở từng tiêu chí, tuy sự gia tăng không đồng đều giữa các tiêu chí ấy. Cụ thể là, ở các tiêu chí xây dựng cơ sở vật chất thường có tốc độ gia tăng các xã đạt tiêu chí cao hơn hẳn so với các tiêu chí về chuyển dịch cơ cấu lao động, việc làm, thu nhập, hỗ trợ hộ nghèo... Đặc biệt, ở tỉnh Quảng Trị, sự gia tăng các xã đạt được tiêu chí thông tin và truyền thông ở giai đoạn 2016-2020 so với giai đoạn trước là âm tính (-12%), bởi lẽ, tỉnh này đã bổ sung và nâng cao hơn mức yêu cầu chung về tiêu chí này. Tương tự như vậy, xã đạt tiêu chí văn hóa ở tỉnh Quảng Trị cũng có tốc độ gia tăng khiêm tốn ở giai đoạn 2016-2020, bởi lẽ tỉnh này chú tâm nhiều về việc đánh giá hoạt động văn hóa và thể thao thực chất chứ không chỉ dựa vào việc xây dựng các hạ tầng cơ sở vật chất văn hóa hay các địa điểm vui chơi, thể thao.

Thứ ba, nguồn vốn tài chính được huy động tại hai tỉnh Hòa Bình và Quảng Trị đã được đa dạng hóa, trong đó “vốn môi” từ cấp trung ương đóng vai trò thúc đẩy việc huy động các loại vốn khác, đặc biệt là vốn tín dụng, vốn đối ứng của địa phương và vốn huy động từ người dân, cộng đồng. Tỷ lệ huy động vốn tín dụng cao hơn ở tỉnh Quảng Trị so với tỉnh Hòa Bình cho thấy quyết tâm chính trị của lãnh đạo địa phương rất mạnh mẽ nhưng lại nguy cơ trở thành “con nợ” vì xây dựng nông thôn mới.

Thứ tư, sự huy động nguồn lực của người dân và cộng đồng dưới hai hình thức tiền đóng góp trực

tiếp và tiền quy đổi từ đóng góp sức lao động có ý nghĩa nâng cao tính tích cực và tính chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới. Ở những dự án xây dựng nông thôn mới được ủy quyền quản lý cho thôn, cho xã, thì sự huy động nguồn vốn từ cư dân cộng đồng được thực hiện tốt hơn hẳn so với sự huy động nguồn vốn cho các dự án do cấp huyện, cấp tỉnh quản lý. Đây là một phát hiện quan trọng có thể trở thành bài học kinh nghiệm cho quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2030. Tuy vậy, dù dự án xây dựng nông thôn mới do cấp nào quản lý đi chăng nữa, khi nhà quản lý chỉ quan tâm đến huy động nguồn lực tài chính thì điều này đã làm suy giảm mức độ hứng thú của cư dân cộng đồng.

Thứ năm, một phát hiện khác đáng chú ý đó là, có rất nhiều tổ chức có thể thực hiện vai trò giám sát, nhưng vai trò giám sát trực tiếp của tổ giám sát cộng đồng và của cư dân địa phương đóng vai trò quan trọng và có ý nghĩa đối với việc huy động nguồn lực tài chính. Nói cách khác, tài chính huy động được càng minh bạch và công khai cho người dân bao nhiêu thì niềm tin của người dân rằng họ thực sự là chủ thể xây dựng nông thôn mới càng gia tăng. Niềm tin của cư dân, cộng đồng địa phương vào chính mình và vào các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới là yếu tố quyết định sự thành công trong giai đoạn 2021-2030.

6. Kết luận

Xây dựng nông thôn mới là giai đoạn phát triển tất yếu của Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, vừa quyết định bởi vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, vừa bởi sự gương mẫu, đi đầu của cán bộ, đảng viên ở nông thôn. Trên cơ sở đó phát huy vai trò chủ thể của nông dân và người dân nông thôn trong việc thực hiện 5 nguyên tắc: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát, dân thụ hưởng trong quá trình thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Nghiên cứu trường hợp hai tỉnh Quảng Trị và Hòa Bình về việc huy động nguồn lực từ cá nhân và cộng đồng tham gia thực hiện thành công chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn trong việc phát huy sức mạnh của nhân dân và tinh thần đại đoàn kết dân tộc.

Tài liệu tham khảo

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. (2017). *Ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*. Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPDP.

Bộ Tài chính. (2017). *Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương*

trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Thông tư số 43/2017/TT-BTC.

BTAP, CDI, & ACDC. (2018). *Báo cáo đánh giá tiếng nói của người dân và cán bộ địa phương về chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 - Trường hợp Hòa Bình và Quảng Trị*.

Chính phủ. (2016). *Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020*. Nghị định số 161/2016/NĐ-CP.

Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị. (2017). *Về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020*. Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND.

Thủ tướng Chính phủ. (2016a). *Ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia*. Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg.

Thủ tướng Chính phủ. (2016b). *Phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*. Quyết định số 1600/QĐ-TTg.

Thủ tướng Chính phủ. (2016c). *Về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*. Quyết định số 1980/QĐ-TTg.

Thủ tướng Chính phủ. (2016d). *Về việc ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020*. Quyết định số 1730/QĐ-TTg.

Thủ tướng Chính phủ. (2016e). *Về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới*

giai đoạn 2016-2020. Quyết định số 2540/QĐ-TTg.

Thủ tướng Chính phủ. (2017). *Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020*. Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình. (2019). *Tổng kết 10 năm thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*. Báo cáo số 298/BC-UBND.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình. (2020). *Tổng kết, đánh giá Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2016-2020, đề xuất thực hiện giai đoạn 2021-2025*. Báo cáo số 58/BC-UBND ban hành ngày 10/03/2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị. (2015). *Kết quả 5 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020*. Báo cáo số 245/BC-BCĐNTM.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị. (2019). *Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị*. Báo cáo số 178/BC-BCĐ.

HUY ĐỘNG NGUỒN NHÂN LỰC TRONG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP HAI TỈNH QUẢNG TRỊ VÀ HÒA BÌNH)

Nguyễn Khắc Toàn

Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

Email: khactoan.nguyen187@gmail.com

Nhận bài: 30/8/2022; Phản biện: 07/9/2022; Tác giả sửa: 09/9/2022; Duyệt đăng: 12/9/2022; Phát hành: 30/9/2022

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/746>

Trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nguồn lực thực hiện được huy động từ nhiều phía (trung ương, địa phương, lồng ghép chương trình, dự án, tín dụng, doanh nghiệp và cư dân, cộng đồng). Tại các địa bàn khảo sát, ngân sách địa phương được phân bổ trực tiếp rất khiêm tốn, nếu không muốn nói là hạn chế. Ngân sách sự nghiệp dành cho hợp tác phát triển sản xuất, tổ chức sản xuất còn những tồn tại và bất cập, trong khi đó, người dân quan tâm trên hết và trước hết là cải thiện việc làm, sinh kế và thu nhập. Trong Chương trình này, vốn tín dụng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số vốn dùng cho xây dựng nông thôn mới nhưng đang được gộp chung cho tất cả các nguồn vốn vay. Việc huy động nguồn lực tài chính từ phía người dân cũng đang đặt ra khá nhiều vấn đề, chưa phù hợp với cách thức huy động nguồn lực trong phát triển cộng đồng nên đánh giá của người dân về lĩnh vực này chưa được thuận lợi.

Từ khóa: Huy động nguồn lực trong phát triển cộng đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; Tỉnh Quảng Trị; Tỉnh Hòa Bình.